|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH NINH BÌNH**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**PHIẾU KHẢO SÁT**

**Ý KIẾN CỦA SINH VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

*(Dành cho sinh viên khóa D10, C25, LT8 trước khi tốt nghiệp)*

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường gửi phiếu khảo sát đến Anh/Chị để thu thập ý kiến phản hồi về chất lượng đào tạo. Mong Anh/Chị vui lòng hoàn thành các câu hỏi dưới đây bằng cách lựa chọn câu trả lời và ghi những ý kiến khác trong mục VI (nếu có). Nhà trường đảm bảo các thông tin cá nhân trong phiếu khảo sát này hoàn toàn được bảo mật. Vì vậy, xin Anh/Chị hãy trả lời một cách thẳng thắn và khách quan các câu hỏi.

**I. Thông tin về sinh viên**

Họ và tên: ………………………………………………………... Mã SV: ………………………...

Lớp:…………………………… Ngành: …………………………..Khoa: ………………………....

Số điện thoại: ……………………………..Email: .……………………………………………......

 **II. Đánh giá chương trình đào tạo**

*Anh/Chị chọn 1 trong 5 mức độ sau với thang đo:*

**1. Rất không đồng ý 2. Không đồng ý 3. Đồng ý một phần**

**4. Đồng ý 5. Hoàn toàn đồng ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Mức độ** |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| 1 | Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng |  |  |  |  |  |
| 2 | Chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đào tạo |  |  |  |  |  |
| 3 | Nội dung, cấu trúc chương trình đào tạo cân đối giữa kiến thức, kỹ năng đại cương và kiến thức, kỹ năng chuyên ngành |  |  |  |  |  |
| 4 | Nội dung chương trình đào tạo có tỷ lệ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành |  |  |  |  |  |
| 5 | Nội dung chương trình đào tạo được cập nhật, đổi mới |  |  |  |  |  |
| 6 | Nội dung các học phần có tính định hướng nghề nghiệp rõ ràng |  |  |  |  |  |
| 7 | Chương trình đào tạo có các học phần hỗ trợ sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học |  |  |  |  |  |
| 8 | Chương trình đào tạo có các học phần về thực tập, thực tế chuyên môn, rèn nghiệp vụ,... hiệu quả |  |  |  |  |  |
| 9 | Trình tự các học phần của ngành đào tạo được sắp xếp hợp lý |  |  |  |  |  |
| 10 | Số lượng học phần, số lượng tín chỉ của học phần trong chương trình đào tạo là phù hợp |  |  |  |  |  |
| 11 | Thời gian đào tạo của chương trình là phù hợp |  |  |  |  |  |
| 12 | Chương trình đào tạo có phương pháp kiểm tra, đánh giá hợp lý |  |  |  |  |  |

**III. Đánh giá hoạt động đào tạo và hỗ trợ**

*Anh/Chị chọn 1 trong 5 mức độ sau với thang đo:*

**1. Rất không đồng ý 2. Không đồng ý 3. Đồng ý một phần**

**4. Đồng ý 5. Hoàn toàn đồng ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Mức độ** |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| 13 | Các thông tin liên quan tới quá trình đào tạo được cung cấp đầy đủ kịp thời (các quy chế, quy định, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên) |  |  |  |  |  |
| 14 | Sinh viên có thể tiếp cận với bản mô tả chương trình đào tạo, đề cương các học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau |  |  |  |  |  |
| 15 | Nhà trường phổ biến sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu đào tạo đến SV bằng nhiều hình thức khác nhau |  |  |  |  |  |
| 16 | Phương thức tổ chức đào tạo của Trường có tính linh hoạt và thích hợp tạo thuận lợi cho người học |  |  |  |  |  |
| 17 | Đội ngũ giảng viên có kiến thức chuyên môn vững vàng và có tính cập nhật |  |  |  |  |  |
| 18 | Giảng viên áp dụng phương pháp dạy - học theo hướng khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm |  |  |  |  |  |
| 19 | Giảng viên nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ sinh viên trong học tập và nghiên cứu khoa học |  |  |  |  |  |
| 20 | Kế hoạch kiểm tra, đánh giá được thông báo rõ ràng |  |  |  |  |  |
| 21 | Quy trình kiểm tra đánh giá đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan |  |  |  |  |  |
| 22 | Kết quả học được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với đặc thù môn học |  |  |  |  |  |
| 23 | Kết quả kiểm tra đánh giá chính xác, công bằng |  |  |  |  |  |
| 24 | Kết quả kiểm tra được thông báo đến người học rõ ràng, đúng thời gian quy định |  |  |  |  |  |
| 25 | Trường hợp có khiếu nại được giải quyết thỏa đáng |  |  |  |  |  |
| 26 | Đội ngũ cố vấn học tập am hiểu về quy định, quy chế liên quan đến sinh viên |  |  |  |  |  |
| 27 | Đội ngũ cố vấn học tập nhiệt tình, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên |  |  |  |  |  |
| 28 | Đội ngũ giáo vụ Khoa/Bộ môn nhiệt tình, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên |  |  |  |  |  |
| 29 | Nhân viên các phòng chức năng am hiểu về quy định, quy chế liên quan đến sinh viên, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên |  |  |  |  |  |
| 30 | Việc xét duyệt cấp học bổng cho sinh viên được thực hiện công bằng |  |  |  |  |  |
| 31 | Các hoạt động ngoại khóa tổ chức đáp ứng nhu cầu sinh viên, hỗ trợ tốt sinh viên trong học tập, rèn luyện |  |  |  |  |  |
| 32 | Công tác chăm sóc sức khỏe đáp ứng nhu cầu của sinh viên |  |  |  |  |  |

 **IV. Đánh giá về cơ sở vật chất phục vụ quá trình học tập**

*Anh/Chị chọn 1 trong 5 mức độ sau với thang đo:*

**1. Rất không đồng ý 2. Không đồng ý 3. Đồng ý một phần**

**4. Đồng ý 5. Hoàn toàn đồng ý**

|  |  |
| --- | --- |
|  **Nội dung đánh giá** | **Mức độ** |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| 33 | Phòng học lý thuyết đủ chỗ ngồi cho sinh viên |  |  |  |  |  |
| 34 | Phòng học lý thuyết được trang bị các thiết bị hỗ trợ cần thiết cho giảng dạy và học tập |  |  |  |  |  |
| 35 | Hệ thống máy tính, máy chiếu, mạng, wifi,... hỗ trợ hiệu quả nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học của sinh viên |  |  |  |  |  |
| 36 | Nhà trường có đầy đủ phòng thực hành để sinh viên thực hành và rèn luyện kỹ năng |  |  |  |  |  |
| 37 | Phòng thực hành có đủ chỗ cho sinh viên trong giờ thực hành |  |  |  |  |  |
| 38 | Thư viện có đủ giáo trình và tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên |  |  |  |  |  |
| 39 | Môi trường sinh hoạt trong khuôn viên trường an toàn, thân thiện, sạch sẽ, văn minh |  |  |  |  |  |
| 40 | Thư viện có thời gian đóng mở của phòng học, phòng mượn hợp lý |  |  |  |  |  |
| 41 | Phòng đọc của thư viện thoáng mát, đủ ánh sáng, đáp ứng yêu cầu về diện tích, chỗ ngồi |  |  |  |  |  |
| 42 | Có thể dễ dàng truy cập dữ liệu trên thư viện điện tử |  |  |  |  |  |
| 43 | Cơ sở dữ liệu của thư viện điện tử thường xuyên được cập nhật |  |  |  |  |  |
| 44 | Cán bộ phục vụ của thư viện sẵn sàng tư vấn, hướng dẫn cho độc giả trong quá trình mượn – trả sách |  |  |  |  |  |
| 45 | Nhà trường có đủ sân chơi, bãi tập thể dục thể thao cho sinh viên sinh hoạt |  |  |  |  |  |

**IV. Đánh giá về thái độ, kiến thức và kỹ năng sau quá trình học tập**

*Anh/Chị chọn 1 trong 5 mức độ sau với thang đo:*

**1. Rất không đồng ý 2. Không đồng ý 3. Đồng ý một phần**

**4. Đồng ý 5. Hoàn toàn đồng ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Mức độ** |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| 46 | Sinh viên có sức khỏe, phẩm chất đạo đức (trung thực, tiết kiệm, ham học hỏi,...) của người lao động đáp ứng yêu cầu của thị trường |  |  |  |  |  |
| 47 | Nhận thức ngành nghề của sinh viên được định hướng tốt |  |  |  |  |  |
| 48 | Sinh viên tự tin về kiến thức chuyên môn của mình |  |  |  |  |  |
| 49 | Sinh viên cảm thấy tự tin trong giao tiếp xã hội |  |  |  |  |  |
| 50 | Sinh viên có trình độ ngoại ngữ đáp ứng công việc chuyên môn sau này |  |  |  |  |  |
| 51 | Sinh viên có trình độ tin học đáp ứng công việc chuyên môn sau này |  |  |  |  |  |
| 52 | Sinh viên có kỹ năng mềm (tìm kiếm việc làm và tuyển dung, làm việc nhóm, kiểm soát cảm xúc, quản lý thời gian,...) đáp ứng công việc sau này.  |  |  |  |  |  |
| 53 | Sẵn sàng tư vấn cho người thân vào học trong trường này |  |  |  |  |  |

 **V. Những ý kiến đóng góp khác của Anh/Chị nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường** …………………………………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………………………….

*Chân thành cảm ơn sự hợp tác của Anh/Chị.*